

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
THÀNH PHỐ H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 22/2020/HS-ST

Ngày: 14/5/2020

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T - H**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Phạm Trung Hòa

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Thanh Nhân

Ông Nguyễn Hiếu Luân

**- Thư ký phiên tòa:**

Bà Vũ Thị Hằng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện T

**- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:**

Bà Nguyễn Thị Huyền Trang – Kiểm sát viên

Ngày 14 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, Thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2020/TLST-HS, ngày 31 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 20/2020/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2020, đối với các bị cáo:

**1. Nguyễn Văn T**, sinh năm 1986; Nơi sinh: H; Nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện T, H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N; Vợ là Đào Thị H và có 02 con, con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2015; Tiền án, tiền sự: Không. Nhân thân: Năm 2010, bị Tòa án nhân dân huyện T, TP. H xử phạt 07 năm 03 tháng tù về tội “*Cướp tài sản*” (đã được xóa án tích). Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 12/11/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

**2. Nguyễn Văn Đ**, sinh năm 2000; Nơi sinh: H; Nơi cư trú: Thôn X, xã V, huyện T, H; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị N; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 11/11/2019 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T:* Ông Nghiêm Đức H – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố H (có mặt).

- *Đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Văn T:*

Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1963 (có mặt).

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966 (có mặt).

Trú tại: Thôn X, xã V, huyện T, H

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Anh Lương Văn T, sinh năm 1992 (vắng mặt)

Trú tại: Thôn Đ, xã T, huyện T, TP. H

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1966 (có mặt)

Trú tại: Thôn X, xã V, huyện T, H

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 18 giờ 45 phút, ngày 11/11/2019, Nguyễn Văn T đang ở nhà thì nhận được điện thoại có số thuê bao 0326.832.832 của Lương Văn T hỏi mua 500.000 đồng tiền ma túy, T đồng ý và hẹn T khoảng 30 phút nữa đến nhà T lấy ma túy. Sau khi gọi điện cho T, T thuê anh Nguyễn Ngọc A chở T từ ngã ba Thị Trấn T đến nhà T. Đến 19 giờ 18 phút cùng ngày, T đi đến gần nhà T và gọi điện thoại cho T biết T đang đứng ở ngoài ngõ. Lúc này, T đang ở trên gác xép gian nhà phía Tây thì em trai của T là Nguyễn Văn Đ đi chơi về nên T đã gọi Đ và bảo “*Mày mang gói này ra đưa cho thằng ngoài cổng lấy 500.000 đồng cho anh*” rồi đưa cho T 01 gói nilon bên trong có chứa tinh thể màu trắng. Đ biết gói nilon có chứa tinh thể màu trắng mà T đưa cho là ma túy đá và hiểu ý T là bảo Đ mang gói ma túy này ra bán cho người thanh niên đang đứng ngoài ngõ với giá 500.000 đồng nên đã đồng ý cầm gói ma túy của T đưa cho để mang ra bán cho T. Khi thấy Đ đi ra cổng, T đã đi gần đến chỗ Đ và đưa cho Đ 500.000 đồng, Đ nhận tiền và đưa cho T gói ma túy thì bị Công an phát hiện, bắt quả tang và thu giữ tang vật là 01 gói nilon bên trong có chứa tinh thể màu trắng, ký hiệu M1, Thiện khai là ma túy vừa mua của T.

Tang vật thu giữ gồm:

Thu giữ của Lương Văn T 01 túi nilon diện (2x2)cm, bên trong có chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M1); 01 điện thoại nhãn hiệu Viettel, màu trắng;

Thu giữ của Đ số tiền 500.000 đồng.

Cơ quan cảnh sát điều tra – Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp nơi ở của Nguyễn Văn Đ đã thu giữ:

+ 01 gói giấy ô ly bên trong có chứa chất bột màu trắng tại góc xép (ký hiệu M2);

+ 01 cân điện tử màu đen (ký hiệu M3).

+ 05 túi nilon diện 2x2cm;

+ 01 túi xách màu trắng, bên trong có chứa chất bột màu trắng (ký hiệu M4);

+ 01 điện thoại MI màu đen đã cũ.

Tại bản kết luận định giám định số: 7294/KLGD-PC09 ngày 21/11/2019 của Phòng kỹ thuật hình sự – Công an Thành phố H kết luận:

+ Tinh thể màu trắng bên trong 01 gói nilon (ký hiệu M1) là ma túy loại Methamphetamine, khối lượng 0,057 gam;

+ Chất bột màu trắng bên trong 02 gói giấy (ký hiệu M2) là ma túy loại Heroine, tổng khối lượng 2,008 gam;

+ 01 cân điện tử (ký hiệu M3) có dính ma túy loại Methamphetamine;

+ Tinh thể màu trắng bên trong túi xách (ký hiệu M4) không phải là ma túy, khối lượng 0,561 gam.

Tại Cơ quan điều tra, Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện.

Nguyễn Văn T khai: Số ma túy Công an đã thu giữ khi bắt quả tang và khám xét chỗ ở là do T mua của một người đàn ông không quen biết tại dốc V, H, T, H trước đó một tuần với giá 1.000.000 đồng. Mục đích T mua số ma túy trên là để sử dụng và bán lại kiếm lời. T đã sử dụng một ít, số còn lại để bán. Do bị tâm thần nên T được gia đình làm gác xép cho T ở. Toàn bộ số tang vật Cơ quan điều tra đã thu giữ khi khám xét chỗ ở ký hiệu M2, M3, M4 và 05 túi nilon diện 2x2cm được T sử dụng vào việc mua bán trái phép chất ma túy. Đ không biết T giấu ma túy ở nhà để sử dụng và bán kiếm lời.

Nguyễn Văn Đ khai: Khoảng 19 giờ 18 phút ngày 11/11/2019, khi Đ vừa đi chơi về thì T bảo Đ cầm 01 gói nilon bên trong có chứa tinh thể màu trắng mang ra bán cho một thanh niên đang đứng ngoài cổng với giá 500.000 đồng. Đ biết đó là

ma túy và đồng ý mang số ma túy do T đưa mang ra công bán cho T. Đ đã nhận 500.000 đồng của T và khi Đ đưa ma túy cho T thì bắt quả tang, Đ bỏ chạy vào nhà cách vị trí bán ma túy khoảng 20m thì bị bắt.

Ngày 05/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an huyện T đã ra Quyết định trưng cầu Viện pháp y tâm thần trung ương, giám định pháp y tâm thần đối với Nguyễn Văn T.

Tại Bản kết luận giám định số 65/KLGD ngày 14/02/2020 của Viện pháp y tâm thần trung ương kết luận:

*“Trước, trong khi phạm tội, bị can Nguyễn Văn T có Hội chứng nghiện nhiều loại ma túy. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F19.2.*

*Tại thời điểm giám định, bị can Nguyễn Văn T có Hội chứng nghiện nhiều loại ma túy, hiện đang cai nhưng ở trong môi trường được bảo vệ. Theo phân loại bệnh quốc tế lần thứ 10 năm 1992, bệnh có mã số F19.21.*

*Tại các thời điểm trên, bị can có đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi.”*

Tại Bản cáo trạng số: 22/CT – VKS ngày 31/3/2020, Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo Khoản 1 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T giữ nguyên quan điểm truy tố và kết luận như Cáo trạng truy tố. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, đánh giá nhân thân, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Áp dụng Khoản 1 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 đề nghị xử phạt Nguyễn Văn T từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 12/11/2019).

Áp dụng Khoản 1 Điều 251; điểm s Khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015 đề nghị xử phạt Nguyễn Văn Đ từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam (ngày 11/11/2019).

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về tang vật của vụ án: Áp dụng Điều 47; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015, đề nghị:

- Tịch thu, tiêu hủy: 03 gói ma túy (ký hiệu M1, M2); 01 cân điện tử (ký hiệu M3); 01 túi xách màu trắng bên trong có chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M4); 05 túi nilon diện 2x2cm.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 500.000 đồng số tiền Nguyễn Văn Đ đã bán ma túy cho Lương Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel thu giữ của Lương Văn T; 01 điện MI màu đen thu giữ của Nguyễn Văn Đ.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Điều 23 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc các bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn T trình bày bản bào chữa: Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T.

Đại diện gia đình bị cáo Nguyễn Văn T đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến gì.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra – Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều

tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

2]. Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội thực hiện ngày 11/11/2019, lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng, phù hợp với biên bản phạm tội quả tang và biên bản thu giữ vật chứng, bản kết luận giám định, phù hợp với lời khai của các bị cáo trong quá trình điều tra cũng như các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ nên có đủ cơ sở kết luận: Khoảng đầu tháng 11/2019, Nguyễn Văn T mua 02 gói ma túy Heroine và 01 gói ma túy Methamphetamine của một người đàn ông không quen biết ở khu vực dốc V, xã H, huyện T, TP. H với giá 1.000.000 đồng để sử dụng và bán kiếm lời. Sau đó, T đem số ma túy này về cất giấu tại gác xép nhà mình và sử dụng một phần trong gói ma túy Heroin đã mua. Khoảng 19 giờ 18 phút ngày 11/11/2019, Thắng nhờ Đ mang một gói ma túy Methamphetamine có khối lượng 0,057gam ra cổng nhà T ở thôn X, xã V, huyện T, TP. H để bán cho Lương Văn T với giá 500.000 đồng. Khi Đ nhận tiền và đưa ma túy cho T thì bị lực lượng Công an huyện T bắt quả tang. Kết luận giám định đã xác định gói ma túy Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ bán Lương Văn T cho là ma túy loại Methamphetamine, có khối lượng 0,057 gam. Gói ma túy thu giữ tại nơi ở của Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ là ma túy loại Heroine, có khối lượng 2.008 gam.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự 2015 là có căn cứ, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng và nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trực tiếp chế độ độc quyền quản lý chất ma túy, chất gây nghiện của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự tại địa phương, làm gia tăng các tệ nạn xã hội và các bệnh xã hội nên cần áp dụng mức hình phạt tù đối với các bị cáo để giáo dục các bị cáo cũng như phòng ngừa chung.

3]. Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

4]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Sau khi phạm tội, trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ đã thành khẩn khai báo, ăn năn, hối cải, bị cáo Nguyễn Văn T là người khuyết tật nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015.

Đánh giá tính chất, mức độ hành vi và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vụ án có tính chất đồng phạm giản đơn. Bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu. Bị cáo Nguyễn Văn Đ phạm tội lần đầu, nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự nhưng hành vi phạm tội mà các bị cáo thực hiện là nghiêm trọng nên cần thiết phải phạt tù cách ly các bị cáo khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo. Do bị cáo Nguyễn Văn T có nhân thân xấu nên áp dụng hình phạt nghiêm khắc hơn bị cáo Nguyễn Văn Đ. Tuy nhiên, khi lượng hình Hội đồng xét xử xem các tình tiết giảm nhẹ hình phạt để giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo.

5]. Về hình phạt bổ sung: Xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, hoàn cảnh gia đình khó khăn nên Hội đồng xét xử miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền cho các bị cáo.

6]. Về xử lý tang vật của vụ án:

- Tịch thu, tiêu hủy: 03 gói ma túy (ký hiệu M1, M2); 01 cân điện tử (ký hiệu M3); 05 túi nilon diện 2x2cm.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 500.000 đồng số tiền Nguyễn Văn Đ đã bán ma túy cho Lương Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel thu giữ của Lương Văn T.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại MI màu đen; trả lại bà Nguyễn Thị N 01 túi xách màu trắng bên trong có chứa tinh thể màu trắng (ký hiệu M4) (được niêm phong dán kín, bên ngoài có chữ ký của giám định viên Phòng PC09 - CATP Hà Nội cùng Nguyễn Văn Đ, Lương Văn T).

7]. Đối với Lương Văn T đã có hành vi mua 0,057 gam ma túy Methamphetamine của T vào ngày 11/11/2019 để sử dụng cho bản thân, do khối lượng chất ma túy chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự nên chưa đủ yếu tố

cấu thành tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo quy định tại Điều 249 Bộ luật Hình sự. Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an huyện T đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Thiện về hành vi Tàng trữ trái phép chất ma túy là đúng quy định của pháp luật.

8]. Đối với anh Nguyễn Ngọc A được Lương Văn T thuê chở đến khu vực thôn X, xã V vào ngày 11/11/2019 để Thiện mua ma túy, do anh Ngọc A không biết việc T thuê anh Ngọc A chở đến thôn X, xã V để mua ma túy nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

9]. Đối với người đàn ông không quen biết đã bán ma túy cho Nguyễn Văn T, Cơ quan điều tra đã xác minh nhưng chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch cụ thể nên tách ra khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

10]. Đối với những thành viên khác trong gia đình Nguyễn Văn T, Nguyễn Văn Đ: Do không ai biết việc T cất giấu ma túy trong nhà và bán ma túy vào ngày 11/11/2019 nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý là có căn cứ.

11]. Về án phí: Bị cáo Đ phải nộp án phí hình sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo Nguyễn Văn T là người khuyết tật nên được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

12]. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo theo quy định tại các Điều 331, 332 và 333 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Vì các lẽ trên,

## **QUYẾT ĐỊNH:**

### **1. Về tội danh:**

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T và Nguyễn Văn Đ phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”;

### **2. Về hình phạt:**

- Áp dụng Khoản 1 Điều 251; điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Nguyễn Văn T 36 (*Ba mươi sáu*) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, ngày 12/11/2019;



Xử phạt: Nguyễn Văn Đ 24 (*Hai mươi bốn*) tháng tù, thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam, ngày 11/11/2019;

### **3. Về xử lý tang vật:**

Áp dụng Điều 46, Điều 47 Bộ luật Hình sự 2015; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015:

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong (ký hiệu M1), bên ngoài có chữ ký của giám định viên Phòng PC09-CATP Hà Nội cùng Nguyễn Văn Đ, Lương Văn T, bên trong là ma túy Methamphetamine;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong (ký hiệu M2), bên ngoài có chữ ký của giám định viên Phòng PC09-CATP Hà Nội cùng Nguyễn Văn Đ, bên trong là ma túy Heroin;

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 phong bì niêm phong (ký hiệu M3), bên ngoài có chữ ký của giám định viên Phòng PC09-CATP Hà Nội cùng Nguyễn Văn Đ, bên trong là 01 cân điện tử màu đen đã cũ;

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 500.000 đồng số tiền Nguyễn Văn Đ đã bán ma túy cho Lương Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Viettel thu giữ của Lương Văn T.

- Trả lại bị cáo Nguyễn Văn Đ 01 điện thoại MI màu đen; trả lại bà Nguyễn Thị N 01 bì niêm phong dán kín (ký hiệu M4), bên ngoài có chữ ký của giám định viên Phòng PC09-CATP Hà Nội cùng Nguyễn Văn Đ bên trong có 01 túi xách màu trắng đã cũ chứa tinh thể màu trắng.

*(Tang vật đang lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T).*

### **4. Về án phí:**

Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự 2015 và Điều 23; điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội: Buộc bị cáo Nguyễn Văn Đ phải nộp 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo Nguyễn Văn T được miễn tiền án phí hình sự sơ thẩm.

### **5. Về quyền kháng cáo:**

Các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

**Nơi nhận:**

- TAND TP H;
- VKSND huyện T;
- Sở tư pháp H;
- Công an huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bị cáo;
- Người bào chữa, các đương sự khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

**Phạm Trung Hòa**